

Số: 4290/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Sơn Tây

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2023; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2023 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND Thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 HĐND Thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023; điều chỉnh giảm danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6368/TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

- Đưa ra khỏi Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Sơn Tây: 0 dự án.
- Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Sơn Tây: 06 dự án, với diện tích 14,09 ha.

(Phụ lục kèm theo).

- Điều chỉnh diện tích các loại đất trong năm 2023, cụ thể:

a. Điều chỉnh phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 (Ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Loại đất		11.719,91
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.119,01
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.877,00
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1.692,21
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	976,41
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.679,27
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	254,48
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	240,78
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	91,07
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.581,06
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.218,27
2.2	Đất an ninh	CAN	8,71
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	91,63
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	393,53
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	63,82
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	21,06
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	22,29
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.133,22
	Trong đó:		
-	Đất giao thông	DGT	860,17
-	Đất thủy lợi	DTL	163,99
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	525,03
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,65
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	111,60
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	232,49
-	Đất công trình năng lượng	DNL	7,16
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,42
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	28,38
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	88,10
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	30,25
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	67,75
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,67
-	Đất chợ	DCH	7,56

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 (Ha)
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,14
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,23
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	642,59
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	451,62
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,84
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	95,56
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	19,65
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	326,04
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.069,18
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,81
3	Đất chưa sử dụng	CSD	19,84

b. Điều chỉnh kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	247,02
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	133,04
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	122,04
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	63,67
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	25,47
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	22,67
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,18
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	24,17
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,39
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8,04
	Trong đó:		
-	Đất giao thông	DGT	5,54
-	Đất thủy lợi	DIL	2,56
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,07

-	Đất chợ	DCH	0,29
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	4,51
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2,38
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,13
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	7,63
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00

c. Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	247,02
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	133,04
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	122,04
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	63,67
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	25,47
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	22,67
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,18
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,00
	Trong đó:		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,00
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	0,00
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	0,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,97

4. Điều chỉnh số dự án và diện tích ghi tại điểm d Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 thành: 88 dự án với tổng diện tích 568,39 ha.

5. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thị xã Sơn Tây và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP, P.TNMT;
- Lưu VT.

44615 - 5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THỊ XÃ SON TÂY

(Kèm theo Quyết định số: **4290**./ QĐ-UBND ngày **28** tháng **08** năm 2023 của UBND Thành phố)

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý của dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Địa danh Huyện	Địa danh xã		
I	Danh mục các dự án điều chỉnh giảm trong năm 2023									
II	Danh mục các dự án điều chỉnh bổ sung trong năm 2023									
II.1	Các dự án phải báo cáo HĐND Thành phố thông qua theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 và điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013									
II.1.1	Dự án điều chỉnh tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố									
II.1.2	Dự án được thông qua tại NQ số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023									
1	Dự án: Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất Khoang Nội - Gò Miếu, phường Trung Hưng	ODT	TTPTQĐ	4,43		4,43	Thị xã Sơn Tây	Phường Trung Hưng	Công văn số 105/HĐND ngày 13/10/2017 của HĐND thị xã Sơn Tây v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; QĐ 618/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND thị xã Sơn Tây v/v phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; QĐ số 217/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND thị xã Sơn Tây v/v điều chỉnh Chủ đầu tư dự án; QĐ số 428/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND thị xã Sơn Tây v/v phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.	
2	Xây mới nhà văn hóa tổ dân phố Phố Hàng, phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây	DVH	UBND phường Phú Thịnh	0,059		0,059	Thị xã Sơn Tây	Phường Phú Thịnh	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND thị xã Sơn Tây về Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án; Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của UBND thị xã Sơn Tây Phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý của dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Địa danh Huyện	Địa danh xã		
3	Xây dựng khu thể thao thôn Kim Đái 2 và mua sắm trang thiết bị trung tâm văn hoá xã Kim Sơn	DTT	UBND xã Kim Sơn	0,919		0,919	TX Sơn Tây	Xã Kim Sơn	Phụ lục 04 - NQ 06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023 của HĐ ND thị xã V/v phê duyệt chủ trương đầu tư 09 dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư 02 dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc thị xã Sơn Tây	
II.2	Các dự án không phải thông qua Hội đồng nhân dân thành phố.									
4	Đề xuất Dự án thương mại dịch vụ.	TMD	UBND thị xã Sơn Tây	4,40			Thị xã Sơn Tây	Xã Cổ Đông	- Quy định tại Điều 73, Điều 193 Luật Đất đai năm 2013. Nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Văn bản số 5095/STNMT-QHKHSDD ngày 10/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.	
5	Đề xuất Dự án Cửa hàng xăng dầu Đường Lâm tại xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây.	TMD	Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	0,28			Thị xã Sơn Tây	Xã Đường Lâm	- Quy định tại Điều 73, Điều 193 Luật Đất đai năm 2013. Nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Văn bản số 951/UBND-KH&ĐT ngày 9/3/2018 của UBND Thành phố chấp thuận chủ trương nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý của dự án	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Địa danh Huyện	Địa danh xã		
6	Dự án Nhà máy điện rác Seraphin tại Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn	DRA	CTCP công nghệ MT xanh Seraphin	4,00			Thị xã Sơn Tây	Xã Xuân Sơn	Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tờ trình số 238-TTr/BCSD ngày 17/7/2023 của Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án.	

